

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Giao thông vận tải; Chuyên ngành: Nền móng công trình

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: PHẠM THÁI BÌNH

2. Ngày tháng năm sinh: 26/4/1986; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Xã Quốc Tuấn, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 416, CT2B, Khu Đô thị Văn Quán, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Phòng 205, nhà H3, Phòng KHCN và HTQT, Trường Đại học Công nghệ GTVT, Số 54, Triều Khúc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0964 628809; E-mail: binhpt@utt.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 10/2009 đến 4/2011: Giảng viên Khoa Công trình, Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải (nay là Trường Đại học Công nghệ GTVT).

Từ 4/2011 đến nay: Giảng viên Bộ môn Địa kỹ thuật, Khoa Công trình, Trường Đại học Công nghệ GTVT.

Từ 9/2013 đến 12/2017: Nghiên cứu sinh, Đại học Công nghệ Gujarat, Ấn Độ.

Từ 03/2018 đến nay: Trưởng nhóm Nghiên cứu mạnh “Địa kỹ thuật và trí tuệ nhân tạo”, Trường Đại học Công nghệ GTVT, Hà Nội, Việt Nam.

Từ 11/2018 đến 8/2021: Trưởng Bộ môn Địa kỹ thuật, Khoa Công trình, Trường Đại học Công nghệ GTVT.

Từ 01/2020 đến 03/2023: Trợ lý Giáo sư, Đại học Hiroshima, Nhật Bản.

Từ tháng 12/2021 đến 11/2023: Trưởng Ban thư ký, Tạp chí điện tử Khoa học và Công nghệ Giao thông, Trường Đại học Công nghệ GTVT.

Từ 8/2021 đến nay: Phó Trưởng Phòng KHCH & HTQT, Trường Đại học Công nghệ GTVT, Hà Nội, Việt Nam.

Từ tháng 11/2023 đến nay: Phó tổng biên tập, Tạp chí điện tử Khoa học và Công nghệ Giao thông, Trường Đại học Công nghệ GTVT.

Chức vụ: Hiện nay: Phó Trưởng Phòng KHCH & HTQT, Trưởng nhóm Nghiên cứu Mạnh, Phó tổng biên tập Tạp chí điện tử Khoa học và Công nghệ Giao thông; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Phòng KHCH & HTQT.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Công nghệ GTVT.

Địa chỉ cơ quan: Số 54, Triều Khúc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 0243.854 4264

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ hưu.

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Không

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 6 năm 2009; số văn bằng: A305241; ngành: Xây dựng cầu đường, chuyên ngành: Địa kỹ thuật công trình Giao thông; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Giao thông Vận tải, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 10 tháng 9 năm 2012; số văn bằng: A037129; ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; chuyên ngành: Xây dựng đường ô tô và đường thành phố; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Giao thông Vận tải, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 12 tháng 01 năm 2018; số văn bằng: 04316; ngành: Kỹ thuật xây dựng; chuyên ngành.....; Nơi cấp bằng TS: Đại học Công nghệ Gujarat, Ấn Độ.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa được công nhận.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Giao thông Vận tải.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Giao thông Vận tải

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(1) Nghiên cứu các đặc trưng cơ lý của đất sử dụng trong tính toán thiết kế nền và móng;

(2) Nghiên cứu kết cấu móng công trình;

(3) Nghiên cứu trượt lở đất đá.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 07 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành 02 đề tài NCKH cấp Trường;

- Đã hoàn thành 02 đề tài NCKH cấp Bộ GTVT;

- Đã công bố 32 bài báo khoa học, trong đó 26 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (SCIE, ESCI, Scopus);

- Số lượng sách đã xuất bản: 01, trong đó 01 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

15. Khen thưởng: Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở” năm học 2012-2013.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Có phẩm chất tư tưởng, chính trị vững vàng, đạo đức tốt, luôn luôn gương mẫu thực hiện các quy định của pháp luật;

- Được đào tạo chính quy về mặt chuyên môn; được đào tạo và có đủ các chứng chỉ sư phạm trong đào tạo bậc đại học; có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ và có lý lịch rõ ràng;

- Tận tụy với sự nghiệp giáo dục - đào tạo, với đất nước, quê hương, không ngại khó khăn đi sâu nghiên cứu các vấn đề cấp thiết của Ngành;

- Giảng dạy theo đúng mục tiêu, nguyên lý và chương trình giáo dục quy định;

- Luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín và danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách, công bằng và bảo vệ quyền lợi của người học;

- Luôn có ý thức rèn luyện, học tập để nâng cao trình độ chuyên môn và phương pháp giảng dạy;

- Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có tinh thần học hỏi, cầu thị, tiếp thu các thành tựu của khoa học tiên tiến trên thế giới;

- Gương mẫu trong thực hiện nghĩa vụ công dân và trong thực hiện các quy định của Pháp luật và điều lệ của Nhà trường.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 8 năm 11 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2018-2019	0	0	0	0	238,6	30	268,6/298,6/216
2	2019-2020	0	0	3	0	135	100	235/401,67/216
3	2020-2021	0	0	1	0	273,6	0	273,6/315,27/216
03 năm học cuối								
4	2021-2022	0	0	1	0	180	90	270/401,67/81
5	2022-2023	0	0	1	0	90	75	165/299,67/81
6	2023-2024	0	0	1	0	60	60	120/221.67/81

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: Ấn Độ năm 2018

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			

1	Nguyễn Công Châu		X		X	2019-2020	Trường Đại học Công nghệ GTVT	30/10/2019
2	Nguyễn Quang Hưng		X		X	2019-2020	Trường Đại học Công nghệ GTVT	30/12/2019
3	Đặng Quang Thành		X	X		2019-2020	Trường Đại học Công nghệ GTVT	03/12/2020
4	Nguyễn Văn Bính		X	X		2020-2021	Trường Đại học Công nghệ GTVT	03/12/2020
5	Đỗ Công Thành		X	X		2021-2022	Trường Đại học Công nghệ GTVT	21/01/2022
6	Vũ Văn Trường		X	X		2022-2023	Trường Đại học Công nghệ GTVT	14/12/2022
7	Nguyễn Thanh Tuấn		X	X		2023-2024	Trường Đại học Công nghệ GTVT	08/05/2023

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Nền và Móng	GT	Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, 2020 (ISBN: 978-604-9955-50-1)	4	X	13-28;73-149	Văn bản xác nhận sử dụng sách số 3812/ VB-ĐHCNGTVT

Trong đó: Số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: Không.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Tương quan về độ bền chống cắt của đất dính mềm yếu xác định từ các phương pháp khác nhau	CN	Mã số DT1112.20; Trường Đại	6/2012-3/2013	23/3/2013, Xếp loại B

			học Công nghệ GTVT		
II	Sau khi được công nhận TS				
2	Nghiên cứu đánh giá phân vùng cảnh báo nguy cơ sạt lở đất huyện Lục Yên, Yên Bái	CN	Mã số DT171836; Trường Đại học Công nghệ GTVT	03/2018-10/2018	22/10/2018, Xếp loại A
3	Ứng dụng kỹ thuật tiên tiến trí tuệ nhân tạo của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 trong dự báo biến đổi địa môi trường khi xây dựng tuyến đường cao tốc ven biển đoạn Hải Phòng – Ninh Bình	CN	Mã số DT 184081; Bộ Giao thông Vận tải	6/2018-8/2019	16/8/2019, Xếp loại B
4	Xây dựng cơ sở dữ liệu lớn và phát triển các mô hình học máy kết hợp với các kỹ thuật tối ưu hóa trong việc dự báo các tham số sức chống cắt của đất phục vụ xây dựng công trình giao thông	CN	Mã số DT 203029; Bộ Giao thông Vận tải	11/2019-03/2020	21/3/2021, Xếp loại A

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

(*) Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Lựa chọn tham số sức chống cắt của đất dính mềm yếu khi tính ổn định trượt trong xây dựng đường ô tô	2		Tạp chí Giao thông Vận tải ISSN: 0866-7012			Số 1+2/2013. Trang 36-39	1,2013
2	Landslide susceptibility assessment in the Uttarakhand area	5	X	Theoretical and Applied Climatology	SCIE, IF(2015) = 2.277, Q2		Vol.12 8, no.1,	12,2015 DOI: https://doi.org/1

	(India) using GIS: a comparison study of prediction capability of naïve Bayes, multilayer perceptron neural networks, and functional trees methods			NXB: Springer ISSN: 1434-4483			pages: 255– 273	0.1007/s00704-015-1702-9
3	Rotation forest fuzzy rule-based classifier ensemble for spatial prediction of landslides using GIS	4	X	Natural Hazards NXB: Springer ISSN: 1573-0840	SCIE, IF(2016) = 2.015, Q1		Vol.83, no.1, pages: 97–127	3,2016 DOI: https://doi.org/10.1007/s11069-016-2304-2
4	A comparative study of different machine learning methods for landslide susceptibility assessment: A case study of Uttarakhand area (India)	5	X	Environmental Modelling & Software NXB: Elsevier ISSN: 1364-8152	SCIE, IF(2016) = 4.854, Q1		Vol.84, pages: 240- 250	7,2016 DOI: https://doi.org/10.1016/j.envsoft.2016.07.005
5	Hybrid integration of Multilayer Perceptron Neural Networks and machine learning ensembles for landslide susceptibility assessment at Himalayan area (India) using GIS	4	X	CATENA NXB: Elsevier ISSN: 0341-8162	SCIE, IF(2016) = 3.734, Q1		Vol.14 9, pages: 52-63	9,2016 DOI: https://doi.org/10.1016/j.catena.2016.09.007
6	A Comparative Study of Sequential Minimal Optimization Based Support Vector Machines, Vote Feature Intervals and	5	X	Environmental Earth Sciences NXB: Springer ISSN: 1866-6299	SCIE, IF(2017) = 1.627, Q2		Vol. 76, no.10, pages: 1-15	5,2017 DOI: https://doi.org/10.1007/s12665-017-6689-3

	Logistic Regression in Landslide Susceptibility Assessment Using GIS							
7	Landslide Susceptibility Assessment Using Bagging Ensemble Based Alternating Decision Trees, Logistic Regression and J48 Decision Trees Methods: A Comparative Study	3	X	Geotechnical and Geological Engineering NXB: Springer ISSN: 1573-1529	ESCI, Scopus, Q2		Vol.35, no.6, pages: 2597-2611	5,2017 DOI: https://doi.org/10.1007/s10706-017-0264-2
8	Application and Comparison of Decision Tree-Based Machine Learning Methods in Landside Susceptibility Assessment at Pauri Garhwal Area, Uttarakhand, India	3	X	Environmental Processes NXB: Springer ISSN: 2198-7505	ESCI, Scopus, Q1		Vol.4, no.3, pages: 711–730	6,2017 DOI: https://doi.org/10.1007/s40710-017-0248-5
9	A hybrid machine learning ensemble approach based on a Radial Basis Function neural network and Rotation Forest for landslide susceptibility modeling: a case study in the Himalayan area	5	X	International Journal of Sediment Research NXB: Elsevier ISSN: 1001-6279	SCIE, IF(2017) = 1.863, Q2		Vol. 33, no.2, pages: 157-170	9,2017 DOI: https://doi.org/10.1016/j.ijsrc.2017.09.008
10	Evaluation and Comparison of LogitBoost Ensemble, Fisher's Linear Discriminant	2	X	Geocarto International NXB: Taylor & Francis ISSN: 1752-0762	SCIE, IF(2017) = 1.560, Q2		Vol. 34, no.3, pages: 316-333	11,2017 DOI: https://doi.org/10.1080/1010604

	Analysis, Logistic Regression, and Support Vector Machines Methods for Landslide Susceptibility Mapping							9.2017.1 404141
Sau khi được công nhận TS								
11	GIS based frequency ratio method for landslide susceptibility mapping at Da Lat City, Lam Dong province, Vietnam	7	X	Vietnam Journal of Earth Sciences NXB: Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam ISSN: 0866-7187	ESCI		Vol.42, no.1, pages: 55-66	9,2019 DOI: https://doi.org/10.15625/0866-7187/42/1/14758
12	Machine learning methods for landslide susceptibility studies: A comparative overview of algorithm performance	8		Earth-Science Reviews NXB: Elsevier ISSN: 0012-8252	SCIE, IF(2020) = 12.413, Q1		Vol.20 7, pages: 1-47	6,2020 DOI: https://doi.org/10.1016/j.earscirev.2020.103225
13	Using Artificial Neural Network (ANN) for prediction of soil coefficient of consolidation	3	X	Vietnam Journal of Earth Sciences NXB: Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam ISSN: 0866-7187	ESCI, Scopus		Vol.42, no.4, pages: 311-319	6,2020 DOI: https://doi.org/10.15625/0866-7187/42/4/15008
14	Accuracy assessment of extreme learning machine in predicting soil compression coefficient	3	X	Vietnam Journal of Earth Sciences NXB: Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam	ESCI, Scopus		Vol.42, no.3, pages: 228-236	6,2020 DOI: https://doi.org/10.15625/0866-7187/42/3/14999

				ISSN: 0866-7187				
15	Estimation of friction capacity of driven piles in clay using artificial Neural Network	4		Vietnam Journal of Earth Sciences NXB: Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam ISSN: 0866-7187	ESCI, Scopus		Vo.42, no.2, pages: 265-275	9,2020 DOI: https://doi.org/10.15625/0866-7187/42/3/15182
16	Estimation of shear strength parameters of soil using Optimized Inference Intelligence System	10	X	Vietnam Journal of Earth Sciences NXB: Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam ISSN: 0866-7187	ESCI, Scopus		Vo.43, no.2, pages: 189-198	3,2021 DOI: https://doi.org/10.15625/9783/15926
17	Landslide Susceptibility Mapping using state-of-the-art machine learning ensembles	12	X	Geocarto International NXB: Taylor & Francis ISSN: 1752-0762	SCIE, IF(2021) = 3.450, Q1		Pages: 1-23	4,2021 DOI: https://doi.org/10.1080/10106049.2021.1914746
18	Identification, Monitoring, and Assessment of an Active Landslide in Tavan-Hauthao, Sapa, Laocai, Vietnam – A Multidisciplinary Approach	10		Journal of Disaster Research NXB: Fuji Technology Press Ltd ISSN: 1883-8030	ESCI, Scopus, Q2		Vol.16, no.4, pages: 501-511	6,2021 DOI: https://doi.org/10.20965/jdr.2021.p0501
19	Performance assessment of artificial neural network using chi-square and backward elimination feature	8	X	Environmental Earth Sciences NXB: Springer ISSN: 1866-6299	SCIE, IF(2021) = 3.119, Q2		Vol. 80, no.20, pages: 1-13	10,2021 DOI: https://doi.org/10.1007/s12665-

	selection methods for landslide susceptibility analysis							021-09998-5
20	Estimation of the undrained shear strength of sensitive clays using optimized inference intelligence system	5	X	Neural Computing and Applications NXB: Springer ISSN: 1433-3058	SCIE IF(2021) = 5.102, Q1		Vol.34, pages: 7835– 7849	1,2022 DOI: https://doi.org/10.1007/s00521-022-06891-5
21	Dimensionality reduction and prediction of soil consolidation coefficient using random forest coupling with Relief algorithm	4		Frontiers of Structural and Civil Engineering NXB: Springer ISSN: 2095-2449	SCIE, IF(2021) = 3.252, Q1		Vol.16, no.2, pages: 224– 238	3,2022 DOI: https://doi.org/10.1007/s11709-022-0812-6
22	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các một số bài toán địa kỹ thuật	2	X	Tạp chí Giao thông Vận tải ISSN: 2615-9751			Số 3/2022, trang: 66-9	3,2022
23	Nghiên cứu ứng dụng các mô hình học máy trong dự báo ổn định mái dốc phục vụ xây dựng công trình giao thông ở Việt Nam	3	X	Tạp chí Giao thông Vận tải ISSN: 2615-9751			Số 3/2022 trang 62-64	5,2022
24	Ứng dụng mô hình trọng số dẫn chứng (WOE) trong xây dựng bản đồ nguy cơ sạt lở tại tỉnh Quảng Nam	3		Tạp chí Xây dựng ISSN: 2615-9058			Tập 16, số 2V, trang: 139- 152	5,2022 DOI: https://doi.org/10.31814/stce.huace(nuce)2022-16(2V)-12
25	Estimation of ultimate bearing capacity of bored	6	X	Vietnam Journal of Earth Sciences	ESCI, Scopus, Q2 (2021)		Vo.44, no.3, pages: 1-12	5,2022 DOI: https://doi.org/10.1007/978-98-99-10-000-0

	piles using machine learning models			NXB: Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam ISSN: 0866-7187				0.15625/2615-9783/17177
26	Phát triển mô hình trí tuệ nhân tạo kết hợp DC-CSFT trong thành lập bản đồ dự báo không gian sạt lở đất tại Quốc lộ 6, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	4	X	Tạp chí Giao thông Vận tải ISSN: 2615-9751			Số 7/2022, trang: 66-9	7,2022
27	Development of multiclass alternating decision trees based models for landslide susceptibility mapping	5	X	Physics and Chemistry of the Earth NXB: Elsevier ISSN: 1873-5193	SCIE, IF(2021) = 3.311, Q2		Vo.128	8,2022 DOI: https://doi.org/10.1016/j.pce.2022.103235
28	Novel approach for soil classification using machine learning methods	7	X	Bulletin of Engineering Geology and the Environment NXB: Springer ISSN: 1435-9537	SCIE, IF(2021) = 4.130, Q1		Vol. 81, no. 11	10,2022 DOI: https://doi.org/10.1007/s10064-022-02967-7
29	A novel swarm intelligence optimized extreme learning machine for predicting soil shear strength: A case study at Hoa Vuong new urban project (Vietnam)	3		Vietnam Journal of Earth Sciences NXB: Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam ISSN: 0866-7187	ESCI, Scopus, Q2 (2021)		Pages: 1-19	5,2023 DOI: https://doi.org/10.15625/2615-9783/18338
30	Ensemble models based on radial basis function network for landslide	10	X	Environmental Science and Pollution Research	SCIE, IF(2022) = 5.8, Q1		Vol. 30, no. 44, pages:	8,2023 DOI: https://doi.org/10.1007/s

	susceptibility mapping			NXB: Springer ISSN: 1614-7499			99380-99398	11356-023-29378-9
31	Estimation of recompression coefficient of soil using a hybrid ANFIS-PSO machine learning model	10	X	Journal of Engineering Research NXB: Elsevier ISSN: 2307-1885	SCIE, IF(2022) = 1.0 Q3		Pages: 1-11	10,2023 DOI: https://doi.org/10.1016/j.jer.2023.10.018
32	Nghiên cứu dự báo độ trương nở của đất sử dụng mô hình rừng ngẫu nhiên	5	X	Tạp chí Cầu đường Việt Nam	-		Số tháng 5, 2024	5, 2024

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (SCIE, ESCI, Scopus) mà UV là tác giả chính sau TS: 12 (Các số thứ tự 11, 13, 14, 16, 17, 19, 20, 25, 27, 28, 30, 31).

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo sau đại học (Tiến sĩ) chuyên ngành Xây dựng công trình giao thông	Tham gia	QĐ số 1167/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 18/04/2018	Trường Đại học Công nghệ GTVT	QĐ số 2164/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 10/07/2018	
2	Chương trình đào tạo sau đại học (Tiến sĩ) chuyên ngành Xây dựng công trình đặc biệt	Tham gia	QĐ số 1168/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 18/04/2018	Trường Đại học Công nghệ GTVT	QĐ số 2164/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 10/07/2018	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:
Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Phạm Thái Bình